

SUY NGHĨ VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

TS. NÔNG QUỐC BÌNH *

1. Bình đẳng giới là gì?

Để trả lời cho câu hỏi trên, trước hết cần tìm hiểu các khái niệm giới tính, giới, phân biệt đối xử trên cơ sở giới và bình đẳng giới. Theo cuốn “Xã hội học về giới và phát triển”⁽¹⁾ và “Tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới - Hướng tới bình đẳng giới ở Việt Nam”⁽²⁾ thì có một số khái niệm liên quan cần được hiểu như sau:

Giới tính hay còn gọi là giống, là khái niệm chỉ những đặc trưng sinh học của nữ và nam. Các đặc điểm của giới tính là:

- Bị quy định hoàn toàn bởi gen, qua cơ chế di truyền từ cha mẹ sang con cái;
- Bẩm sinh (sinh ra đã là nam hay nữ);
- Là sản phẩm của quá trình tiến hoá sinh học ở trình độ cao, do vậy các đặc trưng giới tính hầu như không phụ thuộc vào thời gian, không gian;
- Có những biểu hiện về thể chất có thể quan sát được trong cấu tạo, giải phẫu, sinh lí người (giữa nam và nữ có những đặc điểm khác nhau về gen, hoocmôn, cơ quan sinh dục...);
- Gắn liền với một số chức năng sinh học (đặc biệt là chức năng tái sản xuất con người, ví dụ nam giới có khả năng làm thụ thai và phụ nữ có khả năng mang thai và đẻ con);
- Diễn biến tuân theo quy luật sinh học, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của cá nhân (tuổi dậy thì, mãn kinh, lão hoá...)⁽³⁾

Giới là khái niệm dùng để chỉ những đặc trưng xã hội của nam và nữ. Đây là tập hợp của những hành vi ứng xử về mặt xã hội, những mong muốn về những đặc điểm và năng lực mà xã hội coi là thuộc về nam giới hoặc phụ nữ trong xã hội hay nền văn hoá cụ thể nào đó. Đây cũng là các mối quan hệ giữa phụ nữ và nam giới và sự phân công vai trò giữa họ. Thông thường, nam hay nữ đều phải chịu rất nhiều áp lực buộc phải tuân thủ các quan niệm xã hội này. Khác với giới tính (giống), giới có các đặc điểm:

- Một phần bị quy định bởi các yếu tố, tiền đề sinh học của giới tính;
- Không mang tính bẩm sinh, di truyền mà bị quy định bởi điều kiện và môi trường sống của cá nhân, được hình thành và phát triển qua hàng loạt các cơ chế bắt chước, học tập...;
- Có thể thay đổi dưới tác động của các yếu tố bên trong và bên ngoài, đặc biệt là về điều kiện xã hội.⁽⁴⁾

Phân biệt đối xử trên cơ sở giới hay bất bình đẳng trên cơ sở giới nghĩa là nam hay nữ bị đối xử khác nhau (bị hạn chế hay bị loại trừ) trong nhiều lĩnh vực xã hội do các định kiến giới, làm hạn chế họ phát huy hết tiềm năng và hưởng thụ một cách đầy đủ quyền con người của họ. Các định kiến giới

* Giảng viên chính Khoa luật quốc tế
Trường Đại học Luật Hà Nội

là một tập hợp các đặc điểm được số đông gán cho là thuộc về nam hay nữ, các quan niệm này đôi khi sai lầm và hạn chế những điều mà một cá nhân có thể làm. Ví dụ: Một số định kiến giới cho rằng phụ nữ yếu đuối, phụ thuộc, thụ động. Một số định kiến giới cho rằng nam giới mạnh mẽ, độc lập, có năng lực và quyết đoán hơn. Trên cơ sở định kiến giới, phân biệt trên cơ sở giới thường đặt phụ nữ ở vị thế lệ thuộc và bất lợi hơn so với nam giới. Ví dụ: Phụ nữ ít được đề bạt chức vụ lãnh đạo hơn bởi định kiến giới cho rằng nam giới là những người có năng lực và quyết đoán hơn.

Bình đẳng giới không chỉ có ý nghĩa cơ học là số lượng của phụ nữ và nam giới tham gia trong tất cả các hoạt động là như nhau. Bình đẳng giới có nghĩa là nam giới và nữ giới được công nhận và được hưởng các vị thế ngang nhau trong xã hội.

Bình đẳng giới không có nghĩa là nhìn nhận nam giới và nữ giới giống y hệt nhau mà là sự tương đồng và khác biệt tự nhiên giữa nam và nữ được công nhận và có giá trị như nhau. Bình đẳng giới có nghĩa là nam giới và nữ giới được hưởng các thành quả một cách bình đẳng.

Hiểu sâu xa thì bình đẳng giới là vấn đề cơ bản về quyền con người và là yêu cầu về sự phát triển bền vững. Có thể nói, ý nghĩa quan trọng nhất của bình đẳng giới là nam và nữ có thể trải nghiệm những điều kiện bình đẳng để phát huy đầy đủ các tiềm năng của họ, có cơ hội để tham gia, đóng góp vào công cuộc phát triển quốc gia trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội.⁽⁵⁾

Do đó, phân biệt đối xử trên cơ sở giới là vấn đề cần khắc phục và bình đẳng giới là mục tiêu hướng tới.

2. Tại sao lại có sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới?

Một nguyên lí rất phổ biến là nếu muốn giải quyết triệt để vấn đề thì cần tác động tới nguyên nhân căn bản làm phát sinh ra vấn đề đó. Vì vậy, chúng ta cần tìm hiểu nguồn gốc của sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới mà cốt lõi là vấn đề định kiến giới, từ đó khắc phục hiện tượng này.

Nhiều học giả nghiên cứu lịch sử cũng như hình thái kinh tế - xã hội trên thế giới đã đưa ra quan điểm về “Ba làn sóng vĩ đại của lịch sử”.⁽⁶⁾ Đây là những cuộc cách mạng mang tính chất bước ngoặt, tạo ra những thay đổi cơ bản về phương thức sản xuất của xã hội loài người: “Làn sóng thứ nhất - sự phát minh ra nông nghiệp”, “Làn sóng thứ hai - cuộc cách mạng công nghiệp” và “Làn sóng thứ ba - cuộc cách mạng tri thức”. Sự thay đổi vai trò kinh tế - xã hội của nữ giới và nam giới theo tiến trình lịch sử có sự liên quan mật thiết đến những cuộc cách mạng này. Về bản chất, vấn đề này gắn liền với vai trò làm chủ về mặt kinh tế trong phạm vi gia đình và có tác động đến vai trò của giới trong xã hội.

Trước khi diễn ra “Làn sóng thứ nhất”, loài người sống bằng hoạt động săn bắt và hái lượm. Trong thời kì khi mà việc tìm thức ăn để duy trì sự tồn tại của mình một cách dễ dàng thì chế độ mẫu hệ đã tồn tại, trong đó vai trò của người phụ nữ là trung tâm. Nguyên nhân sâu xa của sự hình thành chế

độ mẫu hệ có lẽ bởi chức năng sinh đẻ mà tự nhiên đã ban cho người phụ nữ để duy trì và phát triển nòi giống. Tuy nhiên, sau này do hoàn cảnh săn bắt không còn thuận lợi nữa thì vai trò của người đàn ông đã dần dần khẳng định trong gia đình và xã hội khi việc săn bắt hái lượm đòi hỏi tới sức khoẻ vốn là thứ “trời phú” cho giới tính nam. Theo đó chế độ mẫu hệ dần được thay thế bởi chế độ phụ hệ.

“Làn sóng thứ nhất” được biết đến như là sự thay đổi đầu tiên trong lịch sử nguyên thủy, là sự phát triển của nông nghiệp. Nông nghiệp đã mang lại cho con người một phương thức mới để biến tài nguyên thiên nhiên, mà chủ yếu là đất, thành của cải vật chất. Nông nghiệp được triển khai ở hầu hết mọi nơi và tạo ra những nền kinh tế nông nghiệp mà trong đó việc cho săn bắt và hái lượm đã được thay thế bởi việc cấy trồng và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Những đặc trưng của hoạt động nông nghiệp đòi hỏi sức lao động dồi dào hơn trước. Trong yêu cầu thực tiễn đó, nam giới - với sức khoẻ thể chất “trời phú” của mình - vẫn khẳng định được vai trò chủ yếu trong lực lượng lao động của xã hội. Cùng với thể mạnh về vai trò kinh tế, nam giới dần được nhìn nhận là người có thể mạnh về nhiều lĩnh vực khác như làm chủ gia đình, quản lý xã hội, tham gia hoạt động chính trị... Chế độ phụ hệ càng được khẳng định và bám rễ sâu sắc trong xã hội.

Những tư tưởng thiên vị dành cho nam giới càng được củng cố cùng với tác động của cuộc cách mạng công nghiệp - “Làn sóng thứ hai”. Cùng làn sóng này, loài người làm quen với phương thức lấy nhà máy làm

cơ sở tạo ra của cải vật chất. Một lần nữa, ưu thế về sức mạnh và sự dẻo dai của người đàn ông được phát huy trong các xí nghiệp, hầm mỏ, dây chuyền sản xuất... Họ vẫn được coi là những hạt nhân chủ yếu tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Vì vậy, định kiến giới chưa thể bị xoá bỏ mà ngược lại nó càng điều kiện để tồn tại và phát triển.

“Làn sóng thứ ba” trong tiến trình lịch sử là cuộc cách mạng tri thức. Cuộc cách mạng này thật vĩ đại vì đã đem lại sự thay đổi cực kì to lớn về mọi phương diện. Trong lao động, những yếu tố như khoẻ mạnh dẻo dai vốn có của đàn ông đã không còn giữ vai trò quyết định nữa, thay vào đó, nền kinh tế tri thức đã đưa ra những yêu cầu về con người mới như sự khéo léo, nhanh nhẹn, nhạy cảm mà không đòi hỏi có sức mạnh “cơ bắp”... Những yêu cầu này luôn có ở giới nữ và hoàn toàn đáp ứng được những đòi hỏi của nền kinh tế tri thức.

Cùng với sự tiến bộ xã hội, như đã nêu trên đây, nhận thức chung của xã hội về vai trò của người phụ nữ so với nam giới cũng đã thay đổi theo chiều hướng tích cực. Giờ đây vị thế của hai giới hầu như là bình đẳng, xã hội đang từng bước hạn chế và tiến tới xoá bỏ định kiến giới. Nền kinh tế tri thức tạo ra cơ hội như nhau của nam và nữ trong việc đóng góp sức mình vào sự phát triển xã hội. Nói cách khác, tình hình thế giới ngày nay đã thay đổi, cơ hội vàng của nữ giới đã tới, giới nữ có thể khẳng định vai trò của mình trong gia đình và xã hội.

3. Tình hình bình đẳng giới hiện nay

Một câu hỏi được đặt ra là: Phải chăng

chúng ta đang phấn đấu cho bình đẳng giới bởi thực tế còn tồn tại tình trạng bất bình đẳng? Để trả lời cho câu hỏi này cần tìm hiểu tình hình thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam về vấn đề này.

Trên quy mô toàn cầu, vai trò của phụ nữ có thể được xem xét trong phạm vi gia đình và xã hội. Trong phạm vi gia đình, theo thống kê nêu tại tác phẩm “Kế hoạch hoá về giới và phát triển - Lí thuyết, thực hành và huấn luyện” của Caroline O. N. Moser, người ta đã ước tính rằng “*phụ nữ làm chủ 1/3 số hộ gia đình trên toàn thế giới. Ở các vùng thành thị, đặc biệt là ở Mỹ Latin và các vùng châu Phi, con số đó đã lên tới 50% hoặc cao hơn. Ở các vùng nông thôn, nơi nam giới thường di chuyển, thì con số đó luôn luôn cao, trong khi ở các trại tị nạn ở các vùng châu Phi và Trung Mỹ là 80% đến 90% và số các hộ có chủ hộ là phụ nữ đang gia tăng. Ở nhiều nơi trên thế giới, đây không phải là hiện tượng mới mẻ mà là hiện tượng được nhận biết một cách phổ biến và công khai hơn*”.⁽⁷⁾ Những số liệu trên đây đã thể hiện vai trò ngày càng quan trọng của phụ nữ trong gia đình.

Trong phạm vi xã hội, một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới sự làm chủ được mở rộng hơn của phụ nữ đối với gia đình là những hoạt động của các tổ chức phục vụ cho sự tiến bộ của phụ nữ có tính chất quốc tế. Tại cái nôi của phong trào nữ quyền là các nước phương Tây như Pháp, Mỹ... thì sự coi trọng vai trò bình đẳng với nam giới về đa số các lĩnh vực của phụ nữ đã trở thành nét văn hoá đặc trưng. Ở những nơi

này, đến thế kỉ XXI đã có thể khẳng định rằng bình đẳng giới đã được thực hiện phổ biến và gần như toàn diện. Mở rộng sang ảnh hưởng của phụ nữ đối với lĩnh vực chính trị (lãnh địa một thời chỉ dành cho các đảng mày râu), trên bình diện quốc tế, chúng ta được chứng kiến những nguyên thủ quốc gia, những nhà lãnh đạo đất nước rất thành đạt là phụ nữ. Ví dụ như đương kim Thủ tướng Đức - Bà Angela Merkel, Ngoại trưởng Mỹ Condoleezza Rice, Thống đốc một bang của Mỹ - Bà Hillary Clinton, Tổng thống Philippine... Họ đều thể hiện xuất sắc vai trò chính trị - kinh tế - xã hội của mình, đóng góp đáng kể vào sự khẳng định hơn nữa sự bình đẳng giới trong thời đại mới.

Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế tiến bộ chung đó. Nhờ sự đầu tư và quan tâm của Đảng, Nhà nước cũng như công lao nghiên cứu, tuyên truyền phổ biến của các nhà khoa học và sự kết hợp cộng tác của nhiều thành phần xã hội khác, chúng ta ngày càng đạt nhiều thành quả thực tế về bình đẳng giới. Theo tiến sĩ Phan Thị Thanh trong cuốn “Tiến bộ về bình đẳng giới trong công việc ở Việt Nam”⁽⁸⁾ thì thực trạng là “*địa vị chính trị và xã hội của phụ nữ Việt Nam ngày càng được nâng cao*”. Đây là tín hiệu đáng mừng, biểu hiện rõ rệt của nó được nằm trong vị thế của phụ nữ trong các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp và các tổ chức đoàn thể quần chúng trong những năm gần đây.

Phụ nữ Việt Nam ngày càng được tín nhiệm và được giao phó các chức vụ quản lí trong các cơ quan nhà nước, cơ quan của

Đảng và xã hội, các doanh nghiệp. Hầu hết các cán bộ nữ được nắm giữ các chức vụ này đã khẳng định được vị trí, năng lực của mình, hiệu quả hoạt động ngày càng tăng.

Trong quy mô gia đình Việt Nam, tuy quan điểm truyền thống cho rằng thiên chức của phụ nữ là gia đình và con cái vẫn còn nặng nề trong nhiều gia đình song nhìn chung, ngày nay người phụ nữ đã được nam giới (chồng, con trai...) chia sẻ việc nhà và cùng chăm sóc gia đình. Những yếu tố tiến bộ này góp phần tạo điều kiện cho phụ nữ có thêm thời gian tham gia các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội nhằm phát huy đầy đủ các khả năng của họ.

4. Cần phải làm gì để khắc phục tình trạng bất bình đẳng giới?

Như đã nêu trên, phân biệt đối xử trên cơ sở giới là vấn đề cần giải quyết để từ đó đạt mục tiêu bình đẳng giới một cách triệt để. Những biểu hiện của bình đẳng giới ngày càng phổ biến trên nhiều lĩnh vực và khái niệm này dần được nhận thức sâu sắc trong nhiều người dân. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng trên thế giới và đặc biệt là ở Việt Nam, hiện còn tồn tại nhiều quan điểm bảo thủ, ủng hộ cho sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới. Bài viết này đưa ra một vài ý kiến mang tính tham khảo nhằm giảm dần và hướng tới xoá bỏ phân biệt đối xử trên cơ sở giới, từ đó sớm hoàn thành mục tiêu bình đẳng giới.

a. Giáo dục bình đẳng giới trong gia đình

Gia đình là nơi đầu tiên giáo dục trẻ em, là môi trường sống quan trọng nhất của con người. Những cách xử sự, nếp nghĩ của ông

bà, cha mẹ sẽ ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài tới trẻ nhỏ, từ đó hình thành nhận thức căn bản về giới cho chúng và có ảnh hưởng lâu dài suốt cả cuộc đời đứa trẻ. Nhiều nghiên cứu⁽⁹⁾ cho kết quả rằng những người đàn ông gia trưởng thường có nhiều khả năng đã từng sống trong những gia đình có ông bố gia trưởng cũng như nhiều phụ nữ có tính cách nhẫn nhịn và mặc cảm do xuất thân từ gia đình có tư tưởng “trọng nam, khinh nữ”. Chứng kiến nhiều hình ảnh, những câu nói giữa bố mẹ phản ánh quan niệm “chồng chúa, vợ tôi” trong đầu óc đứa trẻ sớm hình thành nếp nghĩ về vị trí, vai trò cụ thể của mỗi giới trong gia đình. Nếp nghĩ này thường rất khó thay đổi khi bước vào tuổi trưởng thành.

Để xây dựng ý thức của các bậc phụ huynh về giáo dục bình đẳng giới trong gia đình, cần có sự tham gia sâu sát của chính quyền cơ sở. Các tổ dân phố, câu lạc bộ, hội phụ nữ... cần tổ chức thêm những buổi nói chuyện, phổ biến về bình đẳng giới và tầm quan trọng của gia đình trong công cuộc phấn đấu chung của toàn xã hội nhằm đạt mục tiêu bình đẳng giới. Các gia đình có cách xử sự công bằng, bình đẳng giữa các thành viên cần được khen thưởng, nêu gương cũng như cần phê bình kiểm điểm những trường hợp biểu hiện phân biệt đối xử trên cơ sở giới. Ngoài ra, cần lưu ý đến việc giáo dục cho các đôi lứa chuẩn bị kết hôn những kiến thức về bình đẳng giới, để giữ gìn sự hoà hợp trong gia đình và nuôi dạy con cái sau này.

b. Giáo dục bình đẳng giới trong nhà trường

Cùng với gia đình, nhà trường là một môi trường giáo dục tối quan trọng đối với mỗi con người. Các thầy cô giáo cần ý thức vai trò nêu gương cho học sinh ở tất cả các cấp từ phổ thông tới đại học. Bởi vì, những quan điểm và thông tin truyền đạt tới học sinh, cũng như cách xử sự của thầy cô giáo chính là khuôn mẫu, chuẩn mực cho các em nhận thức đúng đắn về bình đẳng giới.

c. Giáo dục thông qua phương tiện truyền thông đại chúng

Một trong những công cụ tuyên truyền hữu hiệu nhất là các phương tiện truyền thông đại chúng như tivi, báo, đài, internet... Cơ quan chức năng về văn hoá thông tin nên xây dựng những chương trình tuyên truyền đa dạng về bình đẳng giới.

d. Mỗi người phụ nữ cần phải tự khẳng định vai trò của mình trong gia đình và xã hội

Chúng ta cần tác động đến hạt nhân cốt lõi để phá tan định kiến về giới, đó là nhận thức của người phụ nữ về vị thế của bản thân trong xã hội hiện đại. Bản thân mỗi người phụ nữ cần phá bỏ những mặc cảm, cần tự tin vào năng lực bản thân và có ý thức nỗ lực không ngừng để khẳng định vai trò của họ trong nhiều lĩnh vực đời sống. Họ cần được cung cấp thông tin để nhận biết hoàn cảnh xã hội hiện đại cũng như những cơ hội mới đang mở rộng cửa chào đón những nỗ lực của nữ giới trong công cuộc phát triển chung của đất nước.

Tóm lại, mục tiêu bình đẳng giới cần được quan tâm và cần nhiều nỗ lực hơn nữa

từ phía mọi thành phần xã hội nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Thực hiện được mục tiêu này, nam giới và nữ giới có thể trải nghiệm những điều kiện bình đẳng để phát huy đầy đủ các tiềm năng của họ, có cơ hội để tham gia, đóng góp và hưởng tới sự bình đẳng từ công cuộc phát triển đất nước trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội. Bình đẳng giới vừa là vấn đề cơ bản về quyền con người, vừa là yêu cầu về sự phát triển công bằng, hiệu quả và bền vững. Bởi vì, bình đẳng giới là quyền của con người, theo đó tất cả mọi người, không phân biệt giới tính, sẽ được hưởng cơ hội như nhau để đóng góp nhiều nhất khả năng của mình cho sự phát triển chung của nhân loại./.

(1).Xem: Lê Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Mĩ Lộc (đồng chủ biên), *Xã hội học về giới và phát triển*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2000, tr. 6 - 8.

(2).Xem: Tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới - Hướng tới bình đẳng giới ở Việt Nam, Tài liệu của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, tr. 34.

(3).Xem: Lê Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Mĩ Lộc (đồng chủ biên), Sdd, tr. 6.

(4).Xem: Lê Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Mĩ Lộc (đồng chủ biên), Sdd, tr. 7.

(5).Xem: Tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới - Hướng tới bình đẳng giới ở Việt Nam, Sdd, tr. 34.

(6).Xem: Nhiều tác giả - Rowan Gibson biên tập, *Tư duy lại tương lai*, Nxb. Trẻ, Thời báo kinh tế Sài Gòn, Trung tâm kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, tr. 11 - 19.

(7).Xem: Caroline O. N. Moser, *Kế hoạch hoá về giới và phát triển - Li thuyết, thực hành và huấn luyện*, Nxb. Phụ nữ, 1996, tr. 30.

(8).Xem: TS. Phan Thị Thanh, *Tiến bộ về bình đẳng giới trong công việc ở Việt Nam*, Nxb. Lao động - xã hội, Hà Nội, 2001, tr. 35.

(9).Xem: Trần Thị Vân Anh, *Định kiến giới và các hình thức khắc phục*, Tạp chí khoa học về phụ nữ, số 5 (43), 11 - 2000.